

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **6448**/SYT-NV

Đồng Nai, ngày **19** tháng 10 năm 2020

V/v phê duyệt đối tượng tiêm
chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai năm 2021.

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai.

Sở Y tế nhận được Công văn số 1319/KSBT ngày 15/10/2020 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh về việc đăng ký đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2021. Qua xem xét nội dung đã trình, Giám đốc Sở Y tế có ý kiến như sau:

Chấp thuận cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh quản lý, triển khai đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể số lượng đối tượng như sau:

- Tổng số trẻ dưới 1 tuổi: 46.988 trẻ;
- Tổng số trẻ 18 tháng tuổi: 41.733 trẻ;
- Tổng số trẻ tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản (1-3 tuổi): mũi 1, 2 là 41.704 trẻ, mũi 3 là 39.978 trẻ;
- Tổng số trẻ tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản (>3-5 tuổi): mũi 1, 2 là 1.352 trẻ, mũi 3 là 1.626 trẻ;
- Tổng số phụ nữ có thai: 43.814 người.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

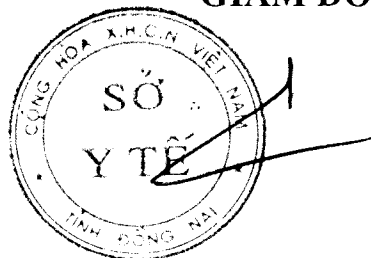
Sở Y tế đề nghị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện tốt Dự án tiêm chủng mở rộng năm 2021; định kỳ báo cáo về Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Y tế theo quy định./. *lq*

Nơi nhận:

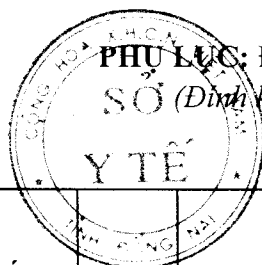
- Như trên (thực hiện);
- Cục Y tế dự phòng (để b/cáo);
- Viện VSDTTW (để b/cáo);
- Viện Pasteur TP.HCM (để b/cáo);
- TTYT các huyện, TP (thực hiện);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

Q/2020/TCMR

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ



PHỤ LỤC: ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

SỞ (Đính kèm Công văn số: **6448**/SYT-NV ngày **19/10/2020** của Sở Y tế Đồng Nai)

TT	Địa phương	Huyện miền núi	Số xã miền núi (khu vực I, II) (*)	Số xã/phường/thị trấn	Tổng số ấp/khu phố	Dân số	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-3 tuổi)				Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (>3-5 tuổi)				Phụ nữ c	
							Tổng số	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn*	Tổng số	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn*	Tổng số trẻ tiêm mũi 1, 2	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn*	Tổng số trẻ tiêm mũi 3	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn *	Tổng số trẻ tiêm mũi 1, 2	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn*	Tổng số trẻ tiêm mũi 3	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn*	Tổng số	T
1	TP. Biên Hòa	0	0	30	200	1.018.559	16.284	0	13.090	0	12.645	0	11.391	0	663	0	663	0	16.284	
2	Xuân Lộc	0	15	15	92	228.470	3.943	0	3.902	0	3.931	0	3.900	0	17	0	49	0	3.936	
3	Long Thành	1	3	14	98	226.271	3.542	0	3.385	0	3.317	0	3.230	0	90	0	115	0	3.207	
4	Cẩm Mỹ	1	13	13	74	172.850	2.071	0	2.045	0	2.055	0	2.019	0	0	0	0	0	1.348	
5	Thống Nhất	1	5	10	46	173.569	2.701	0	2.456	0	2.445	0	2.370	0	80	0	111	0	2.465	
6	Trảng Bom	0	12	17	71	291.743	5.760	0	5.060	0	5.390	0	4.446	0	285	0	357	0	5.386	
7	Định Quán	1	14	14	96	227.179	3.312	0	3.047	0	3.155	0	3.032	0	6	0	26	0	3.248	
8	Vĩnh Cửu	1	6	12	65	159.274	2.215	0	1.800	0	1.790	0	1.730	0	167	0	186	0	1.660	
9	Tân Phú	1	15	18	94	158.751	2.316	45	2.169	130	2.202	45	2.120	10	44	5	39	5	1.711	
10	TP. Long Khánh	1	4	15	58	163.198	1.840	0	1.775	0	1.770	0	1.770	0	0	0	80	0	1.565	
11	Nhơn Trạch	0	0	12	53	250.773	3.004	0	3.004	0	3.004	0	3.970	0	0	0	0	0	3.004	
Tổng		7	87	170	947	3.070.637	46.988	45	41.733	130	41.704	45	39.978	10	1.352	5	1.626	5	43.814	

*Căn cứ Quyết định số 582/QĐ/TTg ngày 28/4/2017 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 21/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.